

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 6: Chính tả

Hướng dẫn Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 6 trang 23: Chính tả

Câu 1. Điền ai hoặc ay vào chỗ trống:

- a) m.... nhà, m.... cày
- b) thính t.....; giờ t....
- c) ch.... tóc, nước ch....

Câu 2. Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống thích hợp

- a) (sa, xa)

..... xôi, xuống

(sá, xá)

phố.....; đường.....

- b) (ngã, ngà)

..... ba đường, ba đường

(vẽ, vễ)

tranh....., có

TRẢ LỜI:

Câu 1. Điền ai hoặc ay vào chỗ trống:

- a) má***i*** nhà, má***y*** cày
- b) thính t***a***i, giờ t***a***y
- c) ch***a***i tóc, nước ch***a***y

Câu 2. Chọn chữ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống cho thích hợp:

- a) (sa, xa)

xa xôi, **s**a xuống

(sá, xá)

phố xá, đường xá

b) (ngã, ngả)

ngã ba đường, ba **ngả** đường

(vẽ, vẽ)

vẽ tranh, có **vẽ**

Hướng dẫn Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 6 trang 25: Chính tả

Câu 1. Viết các từ ngữ chứa tiếng có vần ai hoặc ay:

M: cái tai, chân tay

Vần **ai**:.....

Vần **ay**:.....

Câu 2. Viết các từ ngữ chứa các tiếng

a)

Bắt đầu bằng s	Bắt đầu bằng x

b)

Có thanh hỏi	Có thanh ngã

TRẢ LỜI:

Câu 1. Viết các từ ngữ chứa tiếng có vần ai hoặc ay:

M: cái tai, chân tay

Vần **ai**: tai, mai, bài, sai, chai, trai, trái, mái, mãi, hai, nai,....

Vần ay: tay, may, bay, máy, bày, cay, cày, say,....

Câu 2. Viết các từ ngữ chứa các tiếng

a)

Bắt đầu bằng s	Bắt đầu bằng x
sẻ, sáo, sò, sung, si, sim, sao, sông, sóng,...	xôi, xào, xem, xinh, xanh, xấu, xa, xã, xoan, xuân,...

b)

Có thanh hỏi	Có thanh ngã
chảy, mở, nghỉ, đỏ, cỏ, nỏ, chổi, mỏ, hải, thủy,...	ngĩ, mỡ, võng, muối, vỗ, mỗ, gẫy,...

Tham khảo toàn bộ giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tại đây:

<https://vndoc.com/giai-vo-bai-tap-tieng-viet-2>